

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày: 01/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Mộc Khải;
- Bà Trần Thị Ánh Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Trịnh Thị T (Năm), sinh năm 1970; nơi sinh: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 21, khóm VP, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); chồng tên Đại Quốc Q, sinh năm 1960; con có 01 người, sinh năm 1999; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ tư.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thu U, sinh năm 1965, nơi cư trú: tổ 10, khóm VP 1, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.
- Bà Huỳnh Thị Au, sinh năm 1959, nơi cư trú: tổ 14, khóm VP 1, phường

NS, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Trần Thị De, sinh năm 1973, nơi cư trú: tổ 03, khóm VP, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Trịnh Thúy Pg, sinh năm 1973, nơi cư trú: tổ 09, khóm VP 1, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút, ngày 19/6/2021, Công an phường NS, thành phố K, kiểm tra nhà của Trịnh Thị T tại tổ 21, khóm VP, phường NS, thành phố K, phát hiện bắt quả tang T có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi bán số đề được thua bằng tiền với nhiều người theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Long An mở thưởng ngày 19/6/2021. Thu giữ 01 cùi phoi đề (đánh số thứ tự từ 01 đến 30), kích thước (04 x 14) cm, một mặt có ghi số đề đã bán, số tiền thể hiện trên phoi 7.517.000 đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia-310, có lưu trữ tin nhắn của người mua là Trần Thị De với số tiền 500.000 đồng; 01 tờ phoi đề tổng hợp từ tin nhắn điện thoại và cùi phoi đề nêu trên, tổng số tiền trên phoi là 8.017.000 đồng; nhiều vật dụng dùng đánh bạc và tiền Việt Nam 18.459.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 cùi phoi đề (đánh số thứ tự từ 01 đến 30), kích thước (04 x 14) cm, một mặt có ghi số đề đã bán theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Long An mở thưởng ngày 19/6/2021, số tiền thể hiện trên phoi 7.517.000 đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA-310, có lưu trữ tin nhắn thể hiện các con số đề của người mua trong ngày 19/6/2021, số tiền 500.000 đồng; 01 tờ phoi đề tổng hợp (ghi bán số đề từ tin nhắn điện thoại và cùi phoi đề) theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Long An mở thưởng ngày 19/6/2021, tổng số tiền trên phoi đề là 8.017.000 đồng; 06 tờ giấy trắng, cùng kích thước (04 x 14) cm; 01 tờ giấy than màu xanh (05 x 16) cm; 01 máy tính nhãn hiệu Casio; 01 cây viết mực xanh; 01 cây viết mực đỏ và tiền Việt Nam 18.459.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 138/KLGT – PC09 ngày 05/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, ghi nhận:

- Chữ viết, chữ số trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ số của Trịnh Thị T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 do cùng một người viết ra.

Ngày 05/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố K ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, ngày 05/9/2021 ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trịnh Thị T.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận: Từ giữa tháng 5/2021, bị cáo bắt đầu ghi bán số đề cho nhiều người được thua bằng tiền, dựa theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền Nam, ăn thua trực tiếp với người mua đề; có ngày thắng,

ngày thua, không nhớ rõ số tiền thu lợi mỗi ngày, dùng trang trải sinh hoạt gia đình. Cách thức tính được thua, số tiền mua số A (giải tám) và số B (hai số cuối giải đặc biệt) tính là 01 lần; số tiền mua lô 02 con (02 số cuối của tất cả các giải) tính nhân với 15, trúng thưởng tỷ lệ nhân 80; lô 03 con (03 số cuối từ giải bảy đến giải đặc biệt) tính nhân với 13, trúng thưởng tỷ lệ nhân 600; số tiền mua lô đá 02 con (lô 02 số cuối có từ 02 con số đá với nhau trong 01 bảng giải thưởng) tính nhân với 30, trúng thưởng nhân 700; số tiền mua lô đá 03 con (lô 03 số cuối có từ 03 con số đá với nhau trong 01 bảng giải thưởng) tính nhân với 90, trúng thưởng nhân 2.100; số tiền mua lô đá 04 con (lô 04 số cuối có từ 04 con số đá với nhau trong 01 bảng giải thưởng) tính nhân với 180, trúng thưởng nhân 2.800; số tiền mua lô đá 05 con (lô 05 số cuối có từ 05 con số đá với nhau trong 01 bảng giải thưởng) tính nhân với 300, trúng thưởng nhân 3.500. Ngày 19/6/2021, bị cáo ghi bán số đề theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Long An; khi bán, bị cáo ghi vào cùi phoi đề (đánh số thứ tự từ 01 đến 30), số tiền thể hiện trên phoi 7.517.000 đồng, đã nhận đủ số tiền này từ người mua đề; trong đó, tiền mua đề của Huỳnh Thị Au 33.000 đồng, Nguyễn Thu U 31.000 đồng, Nguyễn Thị Nhiều 45.000 đồng và nhiều người khác (không rõ lai lịch); riêng Trần Thị De nhắn tin qua điện thoại di động cho bị cáo mua số đề với số tiền 500.000 đồng, chưa trả tiền; sau đó bị cáo ghi tất cả số đề đã bán sang 01 tờ phoi đề tổng hợp từ tin nhắn điện thoại và cùi phoi đề nêu trên, tổng số tiền trên phoi là 8.017.000 đồng, chưa có kết quả xổ số, bị phát hiện, bắt quả tang. Điện thoại di động và số tiền 18.459.000 đồng bị thu giữ là của bị cáo; trong đó, điện thoại di động dùng vào việc bán số đề; số tiền 18.459.000 đồng, có 7.517.000 đồng là tiền người mua đề trả trong ngày bị bắt quả tang, số tiền 10.942.000 đồng còn lại là tiền lời từ việc bán số đề của những ngày trước đó và tiền bán điểm tâm sáng, bị cáo dùng toàn bộ số tiền này để chung chi số đề sau khi tính thắng thua.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Thúy Pg, Huỳnh Thị Au (Năm), Nguyễn Thu U (Hằng), Nguyễn Thị Nhiều, Trần Thị De (Đẹp); có lời khai phù hợp với nội dung vụ án. Au U, Nhiều, De khai: trong ngày 19/6/2021, Au U, Nhiều, De có mua số đề do T trực tiếp ghi bán theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Long An, Au mua 33.000 đồng, U mua 31.000 đồng và Nhiều mua 45.000 đồng, đã trả tiền cho T; riêng De, sử dụng điện thoại di động (sim 04365.209.707), nhắn tin SMS cho T (sim số 0974.600.515) mua số đề, số tiền 500.000 đồng, chưa trả tiền; biết T bị Công an bắt quả tang, sợ bị phát hiện, De ném bỏ điện thoại.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-CD ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Trịnh Thị T về tội “*Đánh bạc*” theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị cáo có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số đề được thua bằng tiền, trong ngày bị bắt quả tang ngày 19/6/2021 số tiền trên phôi đề 8.017.000 đồng, tiền mặt dùng đánh bạc 10.942.000 đồng. Tổng cộng số tiền đánh bạc là 18.959.000 đồng, nên có cơ sở để xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc trái phép, vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện chỉ vì háms lợi, cần tiền tiêu xài, sinh hoạt gia đình. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh, kịp thời và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đó là: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét về nhân thân, bị cáo thuộc thành phần lao động, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại, bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Do đó, nhận thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cho bị cáo chấp hành án dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ sức răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị T từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*”.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, không khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Đối với 01 cùi phoi đề gồm 30 tờ, kích thước bằng nhau là: 04 cm x 14 cm được đánh số thứ tự từ 01 đến 30. Một mặt có viết các số lô đề và số tiền đã bán cho người mua trong ngày 19/6/2021 theo kết quả xổ số của tỉnh Long An, có chữ ký ghi họ và tên xác nhận của Trịnh Thị T; 06 tờ giấy trắng có kích thước bằng nhau là: 04 cm x 14 cm có chữ ký ghi họ và tên xác nhận của Trịnh Thị T; 01 tờ giấy than màu xanh có kích thước 0,5 cm x 16 cm, đề nghị lưu hồ sơ vụ án;

+ Đối với 01 máy tính hiệu Casio, FX – 500MS (đã qua sử dụng), 01 cây viết mực màu xanh; 01 cây viết mực màu đỏ, không còn giá trị, đề nghị tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia – 301, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 352356060156122, số IMEI 2: 352356060156130; bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 18.459.000 đồng dùng vào việc phạm tội đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Trường hợp, hành vi đánh bạc trái phép của bị cáo trước ngày bị bắt quả tang, ngoài lời khai không chứng cứ, căn cứ khác chứng minh để quy trách nhiệm.

Đối với Huỳnh Thị Au, Nguyễn Thu U, Nguyễn Thị Nhiều, Trần Thị De có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số đề được thua bằng tiền, số tiền dưới 5.000.000 đồng, không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thành phố K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Au, Nguyễn Thu U, Nguyễn Thị Nhiều, Trần Thị De đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội:

Bị cáo khai nhận: Khoảng 15 giờ 45 phút, ngày 19/6/2021, Công an phường NS, thành phố K, kiểm tra nhà của bị cáo tại tổ 21, khóm VP, phường NS, thành phố K, phát hiện bắt quả tang bị cáo có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi bán số đề được thua bằng tiền với nhiều người theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Long An mở thưởng ngày 19/6/2021. Thu giữ 01 cùi phoi đề (đánh số thứ tự từ 01 đến 30), kích thước (04 x 14) cm, một mặt có ghi số đề đã bán, số tiền thể hiện trên phoi 7.517.000 đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia-310, có lưu trữ tin nhắn của người mua là Trần Thị De với số tiền 500.000 đồng; 01 tờ phoi đề tổng hợp từ tin nhắn điện thoại và cùi phoi đề nêu trên, tổng số tiền trên phoi là 8.017.000 đồng; nhiều vật dụng dùng đánh bạc và tiền Việt Nam 18.459.000 đồng. Công an phường NS lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Về cách thức bán số đề ăn thua bằng tiền, bị cáo bán trực tiếp cho khách và thu tiền mặt, ghi các con số khách mua vào tờ giấy trắng đã cắt sẵn, trên giấy ghi đề có các lô và quy định hình thức ăn thua như sau: số tiền mua số A (giải tám) và số B (hai số cuối giải đặc biệt) tính là 01 lần; số tiền mua lô 02 con (02 số cuối của tất cả các giải) tính nhân với 15, trúng thưởng tỷ lệ nhân 80; lô 03 con (03 số cuối từ giải bảy đến giải đặc biệt) tính nhân với 13, trúng thưởng tỷ lệ nhân 600; số tiền mua lô đá 02 con (lô 02 số cuối có từ 02 con số đá với nhau trong 01 bảng giải thưởng) tính nhân với 30, trúng thưởng nhân 700; số tiền mua lô đá 03 con (lô 03 số cuối có từ 03 con số đá với nhau trong 01 bảng giải thưởng) tính nhân với 90, trúng thưởng nhân 2.100; số tiền mua lô đá 04 con (lô 04 số cuối có từ 04 con số đá với nhau trong 01 bảng giải thưởng) tính nhân với 180, trúng thưởng nhân 2.800; số tiền mua lô đá 05 con (lô 05 số cuối có từ 05 con số đá với nhau trong 01 bảng giải thưởng) tính nhân với 300, trúng thưởng nhân 3.500

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, số tiền mà bị cáo đã bán số đề.

Bên cạnh đó, lời khai của bị cáo còn phù hợp với, diễn biến, nội dung của vụ án, còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập

và thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi bán số đề được thua bằng tiền, trong đó ngày phạm tội quả tang ngày 19/6/2021 số tiền đánh bạc là 18.959.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đánh bạc là một trong những tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, nó đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự xã hội tại địa phương, là một trong những nguyên nhân tan vỡ của nhiều gia đình và cũng là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác nên Nhà nước ta chủ trương chỉ đạo đấu tranh kiên quyết đối với loại tội phạm này.

Hành vi ghi bán số đề được thua bằng tiền của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi ghi bán số đề được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc trái phép, vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện chỉ vì háms lợi, cần tiền tiêu xài, sinh hoạt gia đình. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Bộ luật Hình sự. Xét về nhân thân, bị cáo thuộc thành phần lao động, chưa có tiền án, tiền sự. Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại, bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác.

Do đó, xét, không cần thiết cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt cải tạo không giam giữ có thể để bị cáo lao động cải tạo dưới sự giám sát của Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K cũng đủ tác dụng giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước. Về khấu trừ thu nhập, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, phải nuôi con ăn học, chồng đang bị bệnh mất khả năng lao động nên xét miễn khấu trừ thu nhập như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cùi phoi đề gồm 30 tờ, kích thước bằng nhau là: 04 cm x 14 cm được đánh số thứ tự từ 01 đến 30. Một mặt có viết các số lô đề và số tiền đã bán cho người mua trong ngày 19/6/2021 theo kết quả xổ số của tỉnh Long An, có chữ ký ghi họ và tên xác nhận của Trịnh Thị T; 06 tờ giấy trắng có kích thước bằng nhau là: 04 cm x 14 cm có chữ ký ghi họ và tên xác nhận của Trịnh Thị T; 01 tờ giấy than màu xanh có kích thước 0,5 cm x 16 cm, vật chứng bị cáo dùng phạm tội. Xét, lưu hồ sơ vụ án;

- Đối với 01 máy tính hiệu Casio, FX – 500MS (đã qua sử dụng), 01 cây viết mực màu xanh; 01 cây viết mực màu đỏ, không còn giá trị sử dụng. Xét, tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia – 301, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 352356, sử dụng vào việc phạm tội. Xét, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 18.459.000 đồng, sử dụng vào việc phạm tội. Xét, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước .

[7] các vấn đề khác:

- Trường hợp, hành vi đánh bạc trái phép của bị cáo trước ngày bị bắt quả tang, ngoài lời khai không chứng cứ, căn cứ khác chứng minh để quy trách nhiệm.

- Đối với Huỳnh Thị Au, Nguyễn Thu U, Nguyễn Thị Nhiều, Trần Thị De có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số đề được thua bằng tiền, số tiền dưới 5.000.000 đồng, không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự .

Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị T phạm tội “*Đánh bạc*”;

Xử phạt: Trịnh Thị T: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K được giao giám sát, giáo dục và bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trịnh Thị T cho Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Thị T số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng để nộp ngân sách Nhà nước

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Lưu hồ sơ vụ án 01 cùi phoi đề gồm 30 tờ, kích thước bằng nhau là: 04 cm x 14 cm được đánh số thứ tự từ 01 đến 30. Một mặt có viết các số lô đề và số tiền đã bán cho người mua trong ngày 19/6/2021 theo kết quả xổ số của tỉnh Long An, có chữ ký ghi họ và tên xác nhận của Trịnh Thị T; 06 tờ giấy trắng có kích thước bằng nhau là: 04 cm x 14 cm có chữ ký ghi họ và tên xác nhận của Trịnh Thị T; 01 tờ giấy than màu xanh có kích thước 0,5 cm x 16 cm;

- Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính hiệu Casio, FX – 500MS (đã qua sử dụng), 01 cây viết mực màu xanh; 01 cây viết mực màu đỏ;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia – 301, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 352356060156122, số IMEI 2: 352356060156130;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 18.459.000 đồng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

Căn cứ Điều 135, Điều 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trịnh Thị T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Ngọc Pg